

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 130/2020/HS-PT

Ngày: 11-11-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Trinh.

Các Thẩm phán: Bà Trương Thị Liên.

Bà Hà Thị Phương Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quyền Trang - thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Xuân Lan - Kiểm sát viên.

Trong ngày 11-11-2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ, xét xử phúc thẩm công khai, vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 153/2020/TLPT-HS ngày 12-10-2020, đối với các bị cáo Võ Văn T và Nguyễn Văn Đ, do có kháng cáo của các bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 51/2020/HSST ngày 27 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân quận M.

- Bị cáo có kháng cáo:

1. Võ Văn T sinh năm 1987, tại thành phố Cần Thơ. Nơi cư trú: Khu vực A, phường B, quận M, thành phố Cần Thơ. Nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Võ Văn N và bà: Hồ Thị Đ; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại. Có mặt.

2. Nguyễn Văn Đ sinh năm 1991, tại thành phố Cần Thơ. Nơi cư trú: Khu vực A, phường B, quận M, thành phố Cần Thơ. Nghề nghiệp: Làm vườn; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật giáo Hòa Hảo; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn P và bà: Nguyễn Thị N; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại. Có mặt.

Người bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án không có kháng cáo.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau.

Khoảng 7 giờ, ngày 8-12-2019, Võ Văn T nhìn thấy sợi dây chuyền vàng có mặt đính đá cẩm thạch nằm trên giường của bà Hồ Thị Đ (là mẹ ruột). Trong lúc nhà vắng vẻ, T liền lấy dây chuyền, cất giấu, rồi mang đến nhà của Nguyễn Văn Đ, để nhờ Đ chở đi bán. T có nói cho Đ biết dây chuyền này vừa mới trộm được.

Đ mượn xe mô tô, rồi chở T đi gặp Nguyễn Văn L, để nhờ L bán dùm dây chuyền. T giữ lại mặt dây chuyền. L hỏi nguồn gốc dây chuyền này, nhưng T và Đ không trả lời. L mang dây chuyền đến tiệm vàng bán với giá 13.308.000đ.

T cho L 200.000đ, cho con của L 100.000đ, cho Đ 400.000đ, cho Phạm Thị N (là mẹ của L) mượn 2.000.000đ, gửi 2.000.000đ nhờ ông Nguyễn Văn T giữ dùm và cho ông T 200.000đ, gửi 5.000.000đ nhờ bà Huỳnh K giữ dùm và cho bà K 200.000đ. Mua đồ ăn nhậu hết 500.000đ. Còn lại 2.500.000đ T tự cất giữ.

Khi phát hiện mất dây chuyền, bà Đ có gạn hỏi nhưng T không thừa nhận đã trộm cắp. Gia đình đã trình báo với Công an phường B.

Theo Kết luận định giá, dây chuyền có mặt nói trên trị giá 18.860.344đ.

Cơ quan điều tra đã thu hồi được 12.200.000đ. Bà Đ chỉ yêu cầu được nhận lại mặt dây chuyền và số tiền đã thu giữ được.

Tại bản án số 51/2020/HS-ST ngày 27-8-2020, Tòa án nhân dân quận M đã áp dụng:

- Khoản 1 Điều 173; điểm i khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; xử phạt Võ Văn T 9 tháng tù.

- Khoản 1 Điều 323; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; xử phạt Nguyễn Văn Đ 6 tháng tù.

Ngoài ra, còn có các quyết định về xử lý vật chứng và án phí trong vụ án.

Sau khi tuyên án sơ thẩm, ngày 7-9-2020, các bị cáo kháng cáo, xin hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo vẫn giữ nguyên kháng cáo. Không có ai cung cấp thêm chứng cứ về các tình tiết mới.

Kiểm sát viên nhận định bản án sơ thẩm đã tuyên có căn cứ, đúng pháp luật. Mức hình phạt đã tuyên là tương xứng. Đã có xem xét các tình tiết giảm nhẹ cho các bị cáo khi lượng hình. Nên đề nghị giữ nguyên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Quá trình tiến hành tố tụng ở cấp sơ thẩm tuân thủ các quy định của Pháp luật, bảo đảm quyền lợi hợp pháp cho những người tham gia tố tụng. Các chứng cứ tại hồ sơ đủ để kết luận về hành vi phạm tội của các bị cáo, cũng như để giải quyết các vấn đề khác có liên quan.

[1] Bị cáo T nghiện rượu (BL. 38-40). Ngày 8-12-2019, bị cáo đã lén lút chiếm đoạt dây chuyền vàng của mẹ, để bán lấy tiền ăn nhậu, tiêu xài phung phí. Tài sản bị chiếm đoạt trị giá 18.860.344đ.

Xét xử bị cáo theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự có căn cứ.

[2] Bị cáo Đ là bạn của T. Khi biết T đã trộm cắp dây chuyền vàng của người khác, bị cáo không khuyên can T mang trả tài sản lại, mà còn chờ T đi bán, để lấy tiền ăn nhậu. T đã cho bị cáo 400.000đ từ số tiền bán dây chuyền.

Xét xử bị cáo theo khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự là có căn cứ.

[3] Khi lượng hình Tòa án sơ thẩm đã xem xét các tình tiết giảm nhẹ cho các bị cáo. Trong quá trình điều tra, bị cáo khai báo không nhất quán về việc L biết dây chuyền là do trộm cắp mà có và bị cáo có nói cho Đ biết dây chuyền là của mẹ bị cáo.

Tình hình hiện nay các tội phạm xâm phạm quyền sở hữu về tài sản còn xảy ra nhiều, gây thiệt hại rất nghiêm trọng về tài sản, gây mất an ninh trật tự và an toàn xã hội. Các bị cáo thích hưởng thụ nhưng lười lao động, coi thường thành quả lao động của người khác, thậm chí là của cha mẹ. Đối với các bị cáo cần xử phạt cho nghiêm nhằm đảm bảo tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung trong xã hội.

Mức hình phạt đã tuyên đối với các bị cáo, như vậy là tương xứng, là cần thiết. Nên giữ nguyên như kết luận của Kiểm sát viên.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Tuyên bố: - Bị cáo Võ Văn T phạm tội **Trộm cắp tài sản**.

- Bị cáo Nguyễn Văn Đ phạm tội **Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có**.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm i Khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; xử phạt Võ Văn T **9 (chín)** tháng tù.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 323; điểm i, s Khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; xử phạt Nguyễn Văn Đ **6 (sáu)** tháng tù.

Thời hạn tù, đối với các bị cáo, tính từ ngày bắt đầu chấp hành án.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm, không có kháng cáo, kháng nghị, đã có hiệu lực thi hành.

Mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ án phí phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND TP. Cần Thơ;
- Trại tạm giam;
- Cơ quan tố tụng Q. M;
- Bị cáo;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Trinh